

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC Ở VIỆT NAM

Vấn đề bảo đảm an ninh lương thực quốc gia ở Việt Nam đã được thể hiện qua thực tiễn hoạch định và chỉ đạo thực hiện đường lối đổi mới - hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; thể hiện tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và xóa đói giảm nghèo bền vững Mục tiêu phát triển nông nghiệp trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011 -2020 là: “Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Tăng nhanh sản lượng và kim ngạch xuất khẩu nông sản, nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia”¹.

Cụ thể hóa đường lối của Đảng về đảm bảo an ninh lương thực, Chính phủ và các cơ quan liên quan đã ban hành nhiều chính sách quan trọng góp phần đảm bảo an ninh lương thực như: chính sách đất trồng lúa; chính sách phát triển kết cấu hạ tầng vùng trồng lúa; chính sách thương mại gạo; chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất lúa, v.v.. Ngày 10-6-2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Hiện nay, ngành nông nghiệp của Việt Nam đã đạt được cái thành tựu rất đáng kể và đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực, chiếm gần 21% GDP của đất nước và có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của gần 80% dân số cả nước. Tuy vậy, trước vấn đề tăng nhanh của dân số đồng nghĩa với chi tiêu lương thực của các gia đình Việt Nam tăng cao, việc tìm ra nguồn lương thực lớn mà vẫn đảm bảo phát triển bền vững là một vấn đề khó khăn của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Trong đó, khó khăn lớn nhất mà ngành nông nghiệp Việt Nam gặp phải chính là việc ứng phó với biến đổi khí hậu và quá trình đô thị hóa đang tăng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, tr.1 13-114.
271

nhanh.

Ước tính mỗi năm ở Việt Nam giảm khoảng 20 nghìn hécta đất trồng lúa. Nguyên nhân của tình trạng này là quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang lấy đi một phần không nhỏ diện tích đất nông nghiệp, đặc biệt là diện tích đất trồng lúa nước. Bên cạnh đó, dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu, nếu mực nước biển dâng lên 1m thì sẽ có khoảng 30% diện tích đất trồng lúa của Việt Nam bị ngập.

Như vậy, thách thức đặt ra với chúng ta là phải tạo ra nguồn lương thực lớn mà chỉ sản xuất và canh tác trên một diện tích không thay đổi, không những thế còn có nguy cơ bị thu hẹp. Đây là vấn đề không riêng gì Việt Nam mà là vấn đề chung của các quốc gia trên toàn thế giới.

Tại diễn đàn an ninh lương thực Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp cùng Tập đoàn Dupont (Hoa Kỳ) tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21-9-2012, lãnh đạo ngành nông nghiệp Việt Nam và các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước một lần nữa khẳng định chìa khóa để Việt Nam đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững trong tương lai là phải dựa trên yếu tố khoa học và công nghệ. Đây cũng là điểm hướng đến của Chính phủ Việt Nam trong hiện tại và tương lai, bằng cách kêu gọi đầu tư vào công nghệ sinh học - một lĩnh vực có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc tạo ra nguồn lương thực dồi dào nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

1. Thành tựu trong bảo đảm an ninh lương thực

TTBD DBDC
Thành tựu nổi bật nhất về kinh tế của Việt Nam sau gần 30 năm đổi mới là phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực, đã đáp ứng được nhu cầu trong nước, đảm bảo dự trữ quốc gia và liên tục xuất khẩu gạo.

- Giá trị sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản trên đơn vị diện tích năm 2013 đạt 85,6 triệu đồng/ha, tăng 81% so với năm 2008 (47,2 triệu đồng/ha).

- Trong thời kỳ 2001-2005, xuất khẩu gạo tăng liên tục cả về số lượng và kim ngạch, lượng gạo xuất khẩu bình quân cả giai đoạn đạt 4,02 triệu tấn/năm, so với 1,73 triệu tấn/năm thời kỳ 1991-1995 và 3,66 triệu tấn thời kỳ 1996-2000. Năm 2005 là năm đầu tiên xuất khẩu đạt mức 5,3 triệu tấn, kim ngạch đạt 1,34

tỷ USD.

Đây là mức cao nhất đạt được trên cả ba chỉ tiêu số lượng, kim ngạch và giá cả xuất khẩu. Năm 2008, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 4,8 triệu tấn, với trị giá 2,87 tỷ USD, tăng 5,9% về lượng nhưng tăng tới 95,3% về giá trị so với năm 2007. Trị giá xuất khẩu gạo cả năm 2008 của Việt Nam tăng mạnh so với năm 2007 là do gạo xuất khẩu được giá cao trong những tháng đầu năm 2008 và đồng bằng sông Cửu Long vẫn chiếm trên 90% lượng gạo xuất khẩu cả nước. Lượng gạo xuất khẩu hàng năm là lượng lương thực dự trữ di động góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2013 đạt khoảng 27,5 tỷ USD, so với giai đoạn 2008-2012 tăng bình quân 13,3%/năm.

- GDP nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân giai đoạn 1996-2000: 4,01%/năm, 2001-2005: 3,83%, 2006- 2010: 3,03%, 2009-2013: 2,9%.

- Trong ngành nông nghiệp, tỷ trọng chăn nuôi giảm từ 27,1% năm 2009 xuống 24,6% năm 2012; trồng trọt tăng từ 71,3% lên 73,8%. Trong cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 78,5% năm 2009 xuống 77,5% năm 2013, thủy sản tăng nhẹ từ 17,8% lên 19,2%².

An ninh lương thực của Việt Nam ở giác độ toàn quốc đang được đảm bảo, trong đó vai trò sản xuất và cung ứng lúa gạo là quan trọng. Lúa vẫn là cây trồng chủ lực chiếm tới 82% diện tích đất canh tác và cung cấp 93% tổng cộng hạt lương thực và lúa gạo được sản xuất chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Riêng vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long cung cấp hơn 50% sản lượng lúa gạo cả nước và 90% lượng gạo xuất khẩu.

Phát triển sản xuất lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục tiêu: vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, vừa xuất khẩu đổi lấy ngoại tệ cho nhu cầu trong nước; tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 80% trong tổng số trên 17 triệu dân trong vùng; góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, với viễn cảnh tương lai không xa, vùng này phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng, đòi hỏi sự quan

² Tham khảo tại trang <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/nong-nghiep-nong-thon/2014/25955/Tai-co-cau-nganh-nong-nghiep-nuoc-ta-hien-nay.aspx>
274

tâm của cả nước để đồng bằng sông Cửu Long có thể tiếp tục đóng vai trò là một trong hai vựa lúa quan trọng nhất cả nước.

2. Thách thức và hạn chế

Nhiệt độ trái đất đang nóng dần lên do khí thải trong công nghiệp và nông nghiệp gây hiệu ứng nhà kính. Biến đổi khí hậu toàn cầu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến vùng đồng bằng sông Cửu Long. Khác với vùng đất cao, nơi mà khi nhiệt độ trái đất gia tăng làm cho bốc thoát hơi nước nhiều, cây trồng bị hạn hán đe dọa thì đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất thấp, chịu ảnh hưởng nặng nề bởi mực nước biển dâng cao do băng tan ở hai cực của trái đất gây ra. Với kịch bản nước biển dâng cao hơn 1m so với hiện nay, diện tích mặt đất ngập sâu trên 1m kéo dài trong vòng 1 tháng trên toàn đồng bằng chiếm 68% mặt bằng tự nhiên và diện tích bị nhiễm mặn với nồng độ trên 4g/lít là 1,7 triệu ha. Nguy hiểm hơn, hiện nay đang có nhiều dự án đập đập chặn dòng nước sông Cửu Long ở thượng nguồn. Hậu quả có thể dẫn đến thiếu nước ngọt để đẩy nước mặn ra xa trong mùa nắng. Mùa nước kiệt thiếu nước làm cho tầng sinh phèn hoạt động mạnh và diện tích đất bị nhiễm phèn sẽ rộng hơn.

Mặc dù hiện tại có hàng trăm giống lúa được trồng trên đồng, ruộng nhưng Việt Nam chưa có bất cứ một giống lúa cao sản ngắn ngày nào được lai tạo chọn lọc có chất lượng cao nổi tiếng quốc tế như giống Basmati của Ấn Độ. Còn về phía doanh nghiệp, có rất ít công ty hình thành được vùng nguyên liệu để chỉ trồng một giống đặc thù nhằm đảm bảo chất lượng và thương hiệu gạo của mình. Công nghệ hạt giống yếu kém. Hiện nay, tỷ lệ hạt giống tốt đang sử dụng trong sản xuất đại trà chỉ đạt 32%, bao gồm giống cấp xác nhận và tương đương cấp xác nhận (loại giống này không được kiểm nghiệm trong phòng).

Thiếu kho, không dự trữ được lúa khô sẽ rất khó để chủ động thực hiện điều tiết thị trường giá cả. Gạo xuất khẩu của Việt Nam hiện nay phần lớn được các công ty mua gạo từ thương lái, sấy khô lại, đánh bóng, pha trộn và xuất khẩu nên chất lượng kém, bán giá thấp. Việt Nam đã chậm chân trong việc hình thành các cụm kho tập trung hiện đại để sấy, tồn trữ, xay xát và chế biến lúa gạo.

Hàng triệu hộ nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đến mùa thu hoạch thì đồng loạt bán thóc ra thị trường, cung lớn hơn cầu làm cho giá giảm xuống. Trong 10 năm qua, đồng bằng sông Cửu Long trang bị được khoảng

6.000 máy sấy và khoảng 30% lượng lúa hè thu được sấy. Máy sấy tỉnh vì ngang có công nghệ lạc hậu cách đây 20 năm và hao hụt từ 3,3 đến 3,9%. Cả nước hiện chỉ có thể tích kho chứa được 2 triệu tấn với công nghệ lạc hậu, thông thoáng tự nhiên, đảo trộn bốc dỡ thủ công, tổn thất lên đến 4,5% sau 3 tháng tồn trữ.

Hiện nay, bình quân đất canh tác trên đầu người toàn thế giới là 0,23ha/người; ở vùng châu Á - Thái Bình Dương là 0,15ha/người; nhưng ở Việt Nam chỉ có 0,11ha/người. Nếu tính trên lao động nông thôn và trên diện tích đất canh tác lúa thì bình quân chỉ có 0,6 ha đất lúa/hộ và 0,38 ha/lao động nông thôn. Bình quân đất trên đầu người thấp và manh mún nên quá trình cơ giới hóa khó khăn. Quá trình tích tụ ruộng đất chưa diễn ra mạnh mẽ trong vùng. Hạn điền được phép đến mức 6ha/hộ, nhưng chưa có được nhiều người đạt đến mức diện tích này, dù rằng hiện có một số nông dân đang quản lý hàng trăm héc-ta. Trong khi đó, lực lượng lao động trong nông nghiệp, nông thôn dôi dư vẫn còn lớn... Quỹ đất nông nghiệp, đặc biệt là ở xung quanh các vùng đô thị lớn trên cả nước đang từng ngày bị “quây” hẹp hơn trước sự tấn công của hàng trăm dự án đô thị khác.

Chưa bàn đến hiệu quả thật sự của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, song thực tế nhãn tiền là “bờ xôi ruộng mật”, là kẻ sinh nhai của hàng trăm nghìn nông dân đang ngày càng mất đi với tốc độ chóng mặt.

Diện tích đất nông nghiệp giảm mạnh: Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) báo động về việc đất nông nghiệp đang từng ngày bị chuyển đổi mục đích sử dụng thiếu quy hoạch và tùy tiện nên ngày càng bị thu hẹp một cách báo động. Tổng diện tích đất lúa toàn quốc hiện nay là trên 4,1ha. Song từ năm 2000-2005, diện tích đất lúa đã giảm nghiêm trọng với hơn 302.000ha. Gần 9 năm qua, đất lúa đã bị giảm trên 59.000ha. Riêng tại đồng bằng sông Cửu Long, tính toán sơ bộ cho thấy từ năm 2000-2007, đất lúa đã bị giảm 205.000ha (chiếm 57% đất lúa bị suy giảm toàn quốc). Tại phía bắc, Hải Dương là tỉnh có tỷ lệ đất lúa giảm lớn nhất, bình quân 1.569ha/năm; Hưng Yên 939ha/năm; Hà Nội (cũ) là 653ha/năm...

Theo tính toán, năm 2020 dân số cả nước sẽ xấp xỉ 100 triệu người, năm 2030 sẽ có khoảng 110 triệu người. Tổng nhu cầu lúa cho năm 2015 là 32,1 triệu tấn, năm 2020 là 35,2 triệu tấn và năm 2030 là 37,3 triệu tấn. Tuy nhiên, tình

trạng ô ạt chuyển đổi đất nông nghiệp đã khiến sản lượng lúa suy giảm khá lớn qua mỗi năm, trung bình giảm từ 400.000-500.000 tấn/năm. Cục Trồng trọt báo động, với tốc độ đô thị hóa chóng mặt như hiện nay thì sẽ không còn lúa gạo để xuất khẩu vào năm 2020. Một số liệu đáng chú ý khác cho thấy, tại cả hai miền Nam và Bắc, số lượng các khu công nghiệp lấy từ quỹ đất nông nghiệp đang bị bỏ hoang không ít và hiện chỉ lấp đầy khoảng 50-70% số lượng doanh nghiệp hoạt động.

Trước tình trạng đất nông nghiệp bị thu hẹp đáng báo động, vào năm 2009, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã “mạnh tay” đề nghị đưa ra một dự thảo nghị định về quản lý đất lúa nước và chính sách phát triển lúa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Theo đó, điều khoản về quy định đền bù đất trồng lúa với mục đích phi nông nghiệp nêu rõ: Đối với vùng đất trồng lúa thích hợp, có hạ tầng thuận lợi, tiền bồi thường khi thu hồi phải cao gấp đôi giá đất thổ cư ở cùng thời điểm. Còn ở vùng đất trồng lúa hạ tầng kém thì tiền thu hồi đất phải cao gấp 3-4 lần giá đền bù của đất nông nghiệp khác. Đặc biệt, nhà đầu tư khi thu hồi đất lúa phải bồi thường toàn bộ số tiền đầu tư hạ tầng trên đất đó như các công trình về thủy lợi, điện lưới...¹.

Cục trưởng Cục Trồng trọt - ông Nguyễn Trí Ngọc cho biết, mục đích của việc đề ra giá đền bù là cốt làm “nản lòng” nhà đầu tư, vì giá đền bù quá cao nên sẽ không dám “ho he” gì đến ý nghĩ đầu tư vào quỹ đất nông nghiệp. “Nếu không tính toán cụ thể, mà cứ tiếp tục tình trạng thiếu kiểm soát quỹ đất như

Để đảm bảo an ninh lương thực đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải đảm bảo đủ nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao hơn tốc độ tăng dân số, chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực, nâng cao chất lượng bữa ăn; bảo đảm cho nông dân sản xuất lúa có lãi bình quân trên 30% so với giá thành sản xuất. Việt Nam sẽ giữ vững 3,8 triệu ha lúa hiện tại, giữ mức sản lượng 43 triệu tấn thóc, xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm. Ngoài ra, các ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản sẽ được đầu tư phát triển mạnh mẽ. Việt Nam sẽ phát triển công nghiệp chế biến, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng lương thực cũng như nâng cao khả năng tiếp cận lương thực cho người dân.

Bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục tác động

đến việc đảm bảo an ninh lương thực của Việt Nam trong thời gian tới như sau;

Một là, các cơ hội đảm bảo an ninh lương thực từ toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế: mở rộng thị trường lương thực, gia tăng ảnh hưởng về ổn định thị trường lương thực toàn cầu.

Tiếp cận thị trường của các nước thành viên WTO, chiếm trên 90% khối lượng và giá trị thương mại thế giới, tạo điều kiện mở rộng thị trường cho nông sản Việt Nam, nhất là lúa gạo. Phù hợp với mục tiêu chiến lược của ngành nông nghiệp trong 10 năm tới là phát triển một nền nông nghiệp bền vững, có khả năng cạnh tranh và hướng ra xuất khẩu, từ đó góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, tăng thu nhập cho người trồng lúa.

Hệ thống chính sách trong nước: Hệ thống pháp lý sẽ được điều chỉnh theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế để tạo ra môi trường kinh doanh trong nước bình đẳng, khuyến khích được mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ tham gia đầu tư vào ngành nông nghiệp; thu hút được nhiều nhà đầu tư, thương mại nước ngoài.

Tạo sức ép khá lớn cho các nhà sản xuất, kinh doanh hàng nông sản trong nước phải điều chỉnh sản xuất theo hướng phát huy lợi thế cạnh tranh hoặc phải áp dụng các tiên bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Áp dụng công nghệ mới và chi phí sản xuất lương thực thấp hơn. Phát huy lợi thế của nước xuất khẩu gạo.

Đây vừa là thách thức vừa là động lực, cơ hội để mọi thành phần kinh tế trong ngành nông nghiệp vươn lên trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Giải quyết tranh chấp thương mại: WTO là diễn đàn đấu tranh chống lại các đối xử bất công trong thương mại.

Hai là, thách thức đối với Việt Nam trong đảm bảo an ninh lương thực:

Thứ nhất, thách thức từ các nước lớn: Tự do hóa nông nghiệp đang là vấn đề tranh cãi lớn trong vòng đàm phán hiện nay của WTO giữa các cường quốc với các nước đang phát triển và giữa Mỹ với châu Âu. Mỹ và một số cường quốc muốn các nước khác chấm dứt hoặc hạn chế đến mức thấp nhất trợ cấp cho nông nghiệp, đồng thời nhanh chóng hạ thấp thuế quan và giảm hẳn hàng rào phi thuế quan đối với nông sản, nhưng chính họ lại không làm như thế.

Các nước đang phát triển, ngoài phần phát huy nội lực, cần có thêm nguồn đầu tư từ nước ngoài để phát triển nông nghiệp.

Thứ hai, những thách thức mang tính toàn cầu: biến đổi khí hậu; tác động của thị trường thế giới; tác động của chính sách năng lượng toàn cầu; thách thức từ khủng hoảng an ninh lương thực thế giới.

“Phi nông bất ổn”, “Thực túc binh cường”, “Nhất sĩ nhì nông/Hốt gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ”... là những tổng kết từ thực tế cuộc sống của ông cha ta. Soi rọi kinh nghiệm đó vào tình hình khủng hoảng lương thực dẫn đến bất ổn xã hội tại nhiều nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi thời gian qua càng cho thấy vai trò, vị trí quan trọng của nông nghiệp trong việc đảm bảo an ninh lương thực, nền tảng đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh quốc gia.

Thứ ba, thách thức từ sự bất cập của các chính sách liên quan đến an ninh lương thực hiện nay:

- Chính sách dân số

Vấn đề đảm bảo an ninh lương thực vẫn tiếp tục đặt ra không ít vấn đề cần giải quyết. Dân số nước ta đông, trong đó có đến 73% sống ở địa bàn nông thôn, đất canh tác không nhiều. Nếu tính theo đầu người thì ở mức thấp nhất thế giới. Dân số Việt Nam là 74,7 triệu người năm 1998. Đến năm 2006, dân số đã tăng lên khoảng 84,15 triệu người, năm 2007 khoảng 86 triệu người, và hiện nay dân số đã đạt khoảng 90 triệu dân, là nước đông dân thứ 13 trên thế giới. Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, đến năm 2024, nước ta sẽ đạt 100,5 triệu người. Với tốc độ tăng dân số nhanh như hiện nay sẽ cần phải giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, và do đó, an ninh lương thực càng đóng vai trò quan trọng.

- Chính sách cơ cấu kinh tế và phát triển nông nghiệp nông thôn

Có thể nói, nông nghiệp chưa nhận được sự đầu tư đúng mức với tầm quan trọng về kinh tế - xã hội đối với đất nước. Tiềm năng to lớn của lĩnh vực nông nghiệp trong việc xóa đói giảm nghèo đã bị suy giảm, chính sách vĩ mô tập trung vào các ngành công nghiệp và dịch vụ dẫn tới tỷ lệ lãi suất, lạm phát ở mức cao.

Theo dự báo từ nay đến năm 2025, Việt Nam có thể sẽ mất đi 10-15% diện tích đất nông nghiệp và các loại đất khác để phục vụ phát triển công

ngành, đô thị hóa. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu gây ra hiện tượng nước biển dâng cũng sẽ làm giảm đất canh tác nông nghiệp. Việc mất đi một phần rất lớn quỹ đất trồng do biến đổi khí hậu cùng với việc đô thị hóa và công nghiệp hóa sẽ đặt Việt Nam trước một thách thức rất nghiêm trọng trong việc bảo đảm an ninh lương thực³.

Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb.Chính trị quốc gia;
2. Trang <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/nong-nghiep-nong-thon/2014/25955/Tai-co-cau-nganh-nong-nghiep-nuoc-ta-hien-nay.aspx>
3. Mục tiêu phát triển nông nghiệp trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011 -2020;
4. Quyết định số 899/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

TTBD ĐBDC

³ Tham khảo tại trang http://www.foodcosa.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=201:gii-phap-m-bo-an-ninh-lng-thc-&catid=106:kinh-le-xa-hoi&Itemid=2&lang=vi.
282